

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày: 28-9-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Giang Vân;

2. Ông Cư A Cớ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Đ H V, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/12/1999 tại huyện H H, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn T N, xã T N, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Đ N H sinh năm 1967 (đã chết); con bà V T T sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2022; hiện bị cáo đang được tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Bị hại: Cháu T T H sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007;

Nơi cư trú: Thôn Tr C, xã S H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt;

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị L T H sinh năm 1975 và anh T V H sinh năm 1973 (là bố và mẹ của bị hại); cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn Tr C, xã S H, huyện B, tỉnh Lào Cai do chị L T H làm đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 01/6/2022) - Chị H có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Đỗ Thị Thu Ba - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11 năm 2021, thông quan mạng xã hội Facebook, Đ H V

sinh ngày 13/12/1999 trú tại thôn T N, xã T N, huyện B, tỉnh Lào Cai quen biết với T T H sinh ngày 11/4/2007 trú tại thôn Tr C, xã S H, huyện B, tỉnh Lào Cai, sau đó cả hai nảy sinh quan hệ yêu đương. Tính từ tháng 3 năm 2022 đến nay, Đ H V và T T H đã 03 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục, dẫn đến việc T T H có thai, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào buổi trưa một ngày tháng 3 năm 2022 (khi này H mới được 14 tuổi 11 tháng), Đ H V đến trường Trung học cơ sở xã S H, huyện B đón T T H đi chơi. Khi gặp nhau, V hỏi H "Đi ăn nhé", H nói "Không ăn đâu", V nói tiếp "Đi nhà nghỉ nhé", H đáp "vâng". Sau đó, V điều khiển xe máy chở H đến nhà nghỉ D N thuộc tổ dân phố P T x, thị trấn P L, huyện B, tỉnh Lào Cai thuê phòng 101 của nhà nghỉ, cả hai đi vào phòng, V chốt cửa lại và bảo H mặc quần giả váy mà H mới mua để V xem. Tại đây V vừa nói vừa cởi cúc áo H ra, đồng thời V kéo H dậy để cởi hắt áo ra, còn áo ngực của H thì H tự cởi. V bảo H nằm xuống rồi V tự cởi quần áo của mình và nằm xuống cạnh H, hôn môi, dùng tay sờ vào ngực H rồi tiếp tục kéo quần của H ra, H không nói gì, V nằm đè lên người H, dùng tay của mình dạm hai chân của H ra, rồi đưa dương vật của mình ra vào âm hộ của H khoảng 10 phút thì kéo H ngồi dậy, cả hai tiếp tục quan hệ tình dục ở tư thế ngồi khoảng 5 - 10 phút sau đó V xuất tinh vào bao cao su, V rút bao cao su ra khỏi và vất xuống nền nhà. V bảo H vào nhà tắm rồi V rửa bộ phận sinh dục cho H, sau đó cả hai mặc quần áo xong thì V đưa H về trường, còn V đi về nhà mình.

Lần thứ hai: Vào khoảng gần 11 giờ ngày 14/4/2022 (khi này H được 15 tuổi 03 ngày), Đ H V đến trường học của T T H đón H thì đã thấy H đứng ở cổng trường đợi, khi đi V có mang theo 01 chiếc váy để tặng H. Khi gặp nhau V bảo H đi ăn nhưng H nói "không ăn, sợ béo", V nói tiếp "Thế vào nhà nghỉ mặc váy mới cho anh xem", H nói "Vâng:.". Sau đó V chở H đến nhà nghỉ M L thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn P L, huyện B, tỉnh Lào Cai thuê phòng 203 của nhà nghỉ. Cả hai vào phòng, V chốt cửa lại, V bảo H cầm váy vào nhà tắm thay, còn V cởi quần áo của mình nằm trên giường. Tại đây V ôm hôn vào môi H và nói "Mình làm cái nữa nhỉ", rồi V cởi váy H và quần áo của mình ra, đồng thời H nói "anh đeo bao chưa", V nói "anh đeo rồi" nhưng thực tế V không đeo bao cao su vì V muốn H có thai để cả hai sớm cưới nhau. V nằm đè lên người H, quan hệ tình dục khoảng 10 đến 15 phút thì V xuất tinh vào âm đạo của H. Một lúc sau cả hai mặc quần áo xong thì V đưa H về trường.

Lần thứ ba: Vào khoảng 12 giờ ngày 26/5/2022, sau khi đã biết H có thai, Đ H V đến nhà T T H để gặp mẹ đẻ của H là bà L T H sinh năm 1975 với mục đích xin được cưới H, đến nơi V đứng một lúc thì gặp bà H đi về, V nói "Thưa cô, nay cháu đến đây, trước tiên là hỏi thăm sức khỏe cô chú, thứ hai là cháu muốn hỏi cưới H", bà H nói "Không, không được đâu, con tao còn nhỏ nó chưa biết gì, vừa mới học xong lớp 9, phải 20 tuổi tao mới cho nó lấy chồng". Thấy bà H nói vậy, V liền đi ra ngoài cửa nói với H "hay là thử xin lại mẹ việc có em bé xem thế nào, được thì thứ 7 này anh xuống xin cưới, không được thì nên nhà anh ở một thời gian", H nói "Anh cứ vào nói chuyện đi" nên V tiếp tục đi vào nói chuyện với bà H, V nói "Thưa cô, cháu với H yêu nhau thật lòng, chúng cháu lỡ có em bé rồi, mong cô chấp nhận con với H", nhưng bà H vẫn không đồng ý. Vì vậy, V đi ra ngoài bảo H đi cùng về nhà mình. Đến

khoảng 15 giờ, V và H về đến nhà V, V kéo kín cửa xếp sắt lại và bảo H "Thôi đi rửa chân tay rồi vào buồng nằm nghỉ, chiều anh dẫn đi mua quần áo", một lúc sau cả hai đi vào buồng rồi lên giường nằm. V nằm phía trong, H nằm phía ngoài, cả hai ôm nhau một lúc thì V nói "anh nhớ lắm rồi, cho anh một cái đi", H nói "Có em bé rồi không được đâu", V nói "Không sao đâu và nằm đè lên người H". V dùng tay tụt quần của H ra nhưng không tụt được do quần của H có dây buộc nên H đã tự cởi dây quần ra, sau đó V mới tụt được quần của H ra. Tại đây V và H tiếp tục quan hệ tình dục khoảng 10 đến 15 phút thì xuất tinh vào âm đạo của H, rồi cả hai nằm ngủ trên giường (khi này H được 15 tuổi 01 tháng 15 ngày). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, V tỉnh dậy và đưa H lên Lào Cai mua quần áo, đến khoảng 20 giờ cùng ngày V đưa H về nhà H, bà L T H đã trình báo cơ quan Công an để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về ADN số 259/22/TC-ADN ngày 08/6/2022 của Viện pháp y quốc gia, Bộ y tế kết luận: "Đ H V có quan hệ huyết thống cha - con với phôi thai của T T H gửi giám định, độ tin cậy 99,9999%".

Tại công văn số 42/CV-TTPY ngày 28/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Lào Cai về việc trả lời xét nghiệm HIV đối với T T H: "Kết quả xét nghiệm HIV tại thời điểm lấy mẫu máu ngày 27/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai: âm tính".

Tại công văn số 43/CV-TTPY ngày 28/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Lào Cai về việc trả lời xét nghiệm HIV đối với Đ H V: "Kết quả xét nghiệm HIV tại thời điểm lấy mẫu máu ngày 27/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai: âm tính".

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L T H là đại diện hợp pháp của bị hại T T H yêu cầu bị can Đ H V phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 50.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng là chi phí thuốc men, viện phí, đi lại và 45.000.000 đồng là tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm của bị hại T T H bị xâm phạm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo V nhất trí bồi thường số tiền trên nhưng cho đến nay bị cáo chưa bồi thường được cho bị hại khoản tiền nào.

Cáo trạng số 37, ngày 30/8/2022 truy tố bị can Đ H V phạm tội: "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*" theo quy định tại các điểm a,d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 145; các điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Đ H V từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 592 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận bị cáo Đ H V tự nguyện bồi thường cho bị hại T T H số tiền 50.000.00 đồng.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại T T H trình bày: Cháu và bị cáo Đ H V đã 03 lần quan hệ tình dục với nhau; cụ thể, Lần 1: Vào buổi trưa một ngày tháng 3 năm 2022 cháu với Đ H V đã

vào nhà nghỉ D N, tại đây hai người đã quan hệ tình dục; Lần 2: Buổi trưa ngày 14/4/2022 bị cáo Đ H V và cháu hẹn gặp nhau tại cổng trường Trung học cơ sở xã S H, khi đi V có mang theo 01 chiếc váy để tặng cháu. Sau đó V chở cháu đến nhà nghỉ M L tại thị trấn P L, huyện B, tại đây hai người lại quan hệ tình dục; Lần 3: V đưa cháu về nhà của V tại thôn T N, xã T N, huyện B, tại đây hai người lại quan hệ tình dục. Do cháu và V yêu nhau, đề nghị Tòa án cân nhắc, xem xét.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại (chị L T H): Cháu T T H sinh ngày 14/11/2007 là con của chị, chồng chị là anh T V H đã uỷ quyền cho chị làm đại diện có toàn quyền tham gia giải quyết, quyết định các nội dung của vụ án. Việc bị cáo V phạm tội đối với cháu H và bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố về tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*" theo quy định tại các điểm a,d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự chi hoàn toàn nhất trí. Do cháu H còn nhỏ nên không làm chủ được mình. Về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo luật định; về mức bồi thường thì quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị vẫn giữ nguyên mức đề nghị bị cáo Đ H V phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm của cháu H bị xâm phạm tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Hành vi phạm tội của bị cáo Đ H V bị truy tố theo các điểm a,d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự về tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*" là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định. Cả ba lần bị cáo giao cấu với bị hại H khi bị hại H chỉ hơn 14 tuổi và chưa đủ 16 tuổi. Về hình phạt chính đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo Đ H V phải chịu mức án cao nhất theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát là 06 năm tù và bồi thường thiệt hại cho bị hại T T H tổng số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Đ H V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; bản ảnh, biên bản, sơ đồ khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết nhất định về pháp luật, biết rõ hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu dục vọng của bản thân nên vào buổi trưa một ngày tháng 3/2022, ngày 14/4/2022 và ngày 26/5/2022 bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với T T H tại nhà nghỉ D N, nhà nghỉ M L trên địa bàn thị trấn P L, huyện B và tại nơi ở của bị cáo V tại xã T N, huyện B, trong tất cả các lần giao cấu bị hại H mới trên 14 tuổi và chưa đủ 16 tuổi, hậu quả làm H có thai, do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố đối với bị cáo Đ H V về tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*" theo quy định tại điểm a,d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, do vậy bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung "*Phạm tội 02 lần trở lên*" và "*Làm nạn nhân có thai*" theo quy định tại các điểm a,d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo V là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã

hội, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý cũng như danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, cho bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian để cải tạo bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về mức đề nghị của Viện Kiểm sát và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về hình phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc; đối với các ý kiến khác hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên được chấp nhận.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà L T H đại diện hợp pháp của bị hại H yêu cầu bị cáo Đ H V phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bị hại tổng số tiền 50.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng bao gồm: (500.000 đồng tiền đi lại và khám bệnh; tiền ăn 500.000 đồng; tiền siêu âm 500.000 đồng; tiền phá thai 1.500.000 đồng; tiền thuốc 1.000.000 đồng; tiền công lao động của bà H bị mất 1.000.000 đồng) và 45.000.000 đồng là tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần của bị hại T T H bị xâm phạm. Bị cáo chưa bồi thường được cho bị hại khoản tiền nào; Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo V nhất trí bồi thường cho bị hại tổng số tiền do người đại diện của bị hại yêu cầu là 50.000.000 đồng. Xét thấy việc nhất trí bồi thường của bị cáo đối với bị hại tổng số tiền 50.000.000 đồng là do bị cáo tự nguyện, hai bên nhất trí thoả thuận mức bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, đại diện của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[4] Về án phí: Bị cáo Đ H V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a,d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 592 của Bộ luật dân sự; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân

sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đ H V phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đ H V 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/7/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đ H V bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với bị hại T T H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Đ H V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 2.700.000 đồng tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện B;
- PC (81); Công an huyện B (02);
- Chi cục THA DS huyện B;
- Nhà tạm giữ CA huyện B;
- Bị cáo;
- Đại diện của bị hại;
- Người bảo vệ q & lihp của bị hại (bà Ba);
- Lưu: HS, THS, THAHS, TA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

